

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chương trình hành động của UBND tỉnh và Kế hoạch hành động của Huyện ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06- NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động số 76-KH/HU ngày 28/3/2022 của Huyện ủy về Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Công văn số Công văn số 891/STTTT-CNTT ngày 03/5/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn mô hình, nội dung chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn Tỉnh. UBND huyện ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra tại Quyết định số 176/QĐ-UBND, ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa và Kế hoạch hành động số 76-KH/HU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ huyện ủy Triệu Sơn về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Bám sát mô hình, nội dung chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh để xác định các nội dung, nhiệm vụ chuyển đổi số thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương để áp dụng, triển khai giúp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dựa trên công nghệ số.

3. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thúc đẩy phát triển các nền tảng công nghệ số, nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn cấp huyện, cấp xã; tận dụng, huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa phục vụ chuyển đổi số của địa phương. Có sự tham gia tích cực, toàn diện của hệ thống chính trị, các tổ chức, cá nhân tại địa phương. Định kỳ hàng quý có kiểm tra, báo cáo đánh giá và công bố kết quả thực hiện cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị.

#### **II. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

- Chuyển đổi số nhằm thu hẹp khoảng cách số giữa khu vực nông thôn và

thành thị; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong chính quyền cấp huyện, cấp xã để phục vụ và tương tác với người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

- Đổi mới lề lối, phương thức làm việc của cán bộ, công chức, viên chức trong phục vụ người dân và doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng các giải pháp công nghệ trong các giao dịch điện tử của cơ quan Nhà nước để xây dựng chính quyền điện tử đảm bảo gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân.

- Thay đổi nhận thức, nâng cao kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp, mở rộng cơ hội tiếp cận với công nghệ số, giúp người dân dễ dàng giới thiệu, quảng bá các sản phẩm và các nét văn hóa đặc trưng của địa phương trên môi trường số.

- Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của huyện; Cải cách hành chính, hướng tới xây dựng Chính quyền số minh bạch, hiệu quả, phục vụ phát triển kinh tế xã hội; Xây dựng Chính quyền số trên cơ sở lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; thực hiện chuyển đổi số đồng bộ hướng tới Chính quyền số, nền Kinh tế số, Xã hội số.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

#### *a. Về chính quyền số:*

- 100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ, khai thác với các cơ sở dữ liệu của Tỉnh Quốc gia.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường mạng và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và trên các phương tiện truy cập (bao gồm cả thiết bị di động).

- Có 90% người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.

- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất.

- 100% Đài truyền thanh xã, thị trấn được đầu tư trang bị hệ thống đài truyền thanh thông minh.

#### *b. Về kinh tế số:*

- Doanh nghiệp chuyển đổi số chiếm 50% trở lên trong tổng số doanh nghiệp có phát sinh thuế.

- 100% các xã, thị trấn trên địa bàn phải đăng ký tối thiểu một sản phẩm nông sản hoặc các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp đặc thù của địa phương để xây dựng thương hiệu và đưa lên sàn thương mại điện tử.

- 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, làng nghề sản xuất, được tiếp

cận chương trình hỗ trợ chuyển đổi số; các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, các sản phẩm OCOP được gắn mã QR truy xuất nguồn gốc.

*c. Về xã hội số:*

- Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động mạng 4G/5G.

- 80% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Tỷ lệ cá nhân, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử đạt 50%.

- Có 100% xã, thị trấn hoàn thành chuyển đổi số theo bộ tiêu chí đánh giá chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

*a. Về chính quyền số:*

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Có 98% người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.

*b. Về kinh tế số:*

- Doanh nghiệp chuyển đổi số chiếm 80% trở lên tổng số doanh nghiệp có phát sinh thuế.

*c. Về xã hội số:*

- Huyện hoàn thành chuyển đổi số và 100% xã, thị trấn hoàn thành chuyển đổi số theo bộ tiêu chí đánh giá chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Về phát triển chính quyền số**

#### **1.1. Xây dựng các kế hoạch, quy định nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số**

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2022 - 2025 theo Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025.

- Rà soát, hoàn thiện, bổ sung, ban hành các văn bản, quy chế, quy định, hướng dẫn về công tác chuyển đổi số trên địa bàn huyện; kiến nghị các Sở, ban, ngành đề nghị các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật tạo điều kiện cho chuyển đổi số phát triển.

## **1.2. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số**

### ***- Tổ chức tập huấn cho đội ngũ CBCC, viên chức:***

+ Tổ chức các lớp tập huấn cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; kiến thức an toàn thông tin; kỹ năng sử dụng công nghệ số; hướng dẫn sử dụng các phần mềm, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, phần mềm nội bộ của huyện; hướng dẫn sử dụng chữ ký số và quy trình gửi, nhận văn bản điện tử trên hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; hướng dẫn thiết lập, cấu hình quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (dịch vụ công) trên hệ thống Cổng dịch vụ công của tỉnh; hướng dẫn nghiệp vụ quản trị, biên tập Trang thông tin điện tử nội bộ của huyện cho các lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện.

### ***- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về chuyển đổi số đến người dân:***

+ Tổ chức tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng về các kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin cá nhân; hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua, bán trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng các dịch vụ y tế, giáo dục thông minh,...

+ Tổ chức các cuộc tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số thông qua các cuộc họp thôn, tổ dân phố; thông qua các hội nghị của các tổ chức chính trị như Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh,....

+ Khai thác, biên tập các bản tin để tuyên truyền về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử của huyện, xã, thị trấn.

## **1.3. Xây dựng hạ tầng số**

Xây dựng hạ tầng số đảm bảo đồng bộ với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa (được quy định tại quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh). Triển khai duy trì, bảo dưỡng, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số trên địa bàn huyện.

### **a) Trong cơ quan nhà nước**

#### ***- Mạng nội bộ (LAN) kết nối internet băng thông rộng:***

+ Thường xuyên khảo sát, đánh giá chi tiết hiện trạng để có phương án bổ sung, nâng cấp cho phù hợp đáp ứng yêu cầu.

+ Tối ưu hóa hệ thống mạng nội bộ, mạng được thiết kế lại theo các mô hình tiêu chuẩn, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, đảm bảo tính mỹ quan, tốc độ truy cập mạng.

+ Quy hoạch, phân lớp, quản lý các dải địa chỉ IP thuận lợi trong việc triển khai cấu hình mạng phù hợp với trang thiết bị hiện có; được kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng để đảm bảo chất lượng, an toàn thông tin...

**- Số hoá tài liệu hồ sơ công việc:**

Triển khai số hóa tài liệu theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 06/01/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025.

**- Nâng cấp, bổ sung hệ thống thiết bị CNTT, tăng cường công tác an toàn thông tin mạng:**

+ Tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng toàn bộ trang thiết bị CNTT, máy tính để bổ sung, nâng cấp đảm bảo cấu hình, năng lực, số lượng thiết bị phục vụ triển khai các ứng dụng cho CBCC trong đơn vị.

+ Hàng năm rà soát đảm bảo các phương án theo hồ sơ cấp độ đã được phê duyệt; đảm bảo 100% các máy tính của CBCC tại UBND cấp huyện được cài đặt phần mềm diệt virus và thường xuyên được cập nhật phần mềm.

**- Mạng Truyền số liệu chuyên dùng:**

Phối hợp triển khai mạng Truyền số liệu chuyên dùng từ huyện đến cấp xã, đảm bảo kết nối, liên thông 4 cấp chính quyền (từ Trung ương đến cấp xã). Các hệ thống thông tin của cấp huyện được kết nối qua mạng Truyền số liệu chuyên dùng để đảm bảo an toàn thông tin, toàn vẹn dữ liệu trong quá trình hoạt động ứng dụng, chỉ đạo điều hành.

**- Hệ thống đài truyền thanh - truyền hình từ huyện đến cơ sở:**

+ Đầu tư, hiện đại hóa các thiết bị kỹ thuật, số hóa sản xuất nội dung truyền thông bao gồm các thiết bị kỹ thuật số hiện đại: máy quay, máy ghi âm, máy ảnh, bàn dựng, bàn trộn, máy tính, phần mềm...; thiết bị lưu trữ số để thuận lợi cho việc khai thác thông tin, sản xuất và quản lý, lưu trữ nội dung chương trình.

+ Thực hiện đầu tư, nâng cấp, trang bị hệ thống đài truyền thanh thông minh từ huyện đến thôn, khu phố.

**- Hệ thống Hội nghị truyền hình:**

Đảm bảo đường truyền thông suốt, hoạt động ổn định; bổ sung, thay thế các thiết bị hỏng, chất lượng không đảm bảo phục vụ tốt các cuộc họp trực tuyến từ huyện đến tỉnh, đến điểm cầu Trung ương và từ huyện đến thôn, khu phố.

**- Hệ thống phòng họp không giấy:**

Xây dựng, triển khai, ứng dụng hiệu quả phòng họp không giấy nhằm tiết kiệm thời gian chuẩn bị cuộc họp, tiết kiệm chi phí in ấn tài liệu, thuận tiện trong trao đổi, gửi nhận, tra cứu tài liệu phục vụ các cuộc họp.

**- Hệ thống camera an ninh:**

Quy hoạch, triển khai hệ thống Camera giám sát tại các vị trí quan trọng, cần thiết trên địa bàn phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của UBND huyện về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông... Hệ thống camera giám sát phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật phục vụ công tác kết nối liên thông với

các hệ thống; đảm bảo cho phép khả năng tích hợp, truy cập xuyên suốt từ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để phục vụ theo dõi, giám sát theo yêu cầu.

## **b) Triển khai hạ tầng số trong xã hội**

### **- Triển khai hạ tầng số (hạ tầng viễn thông, internet):**

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng viễn thông, internet băng thông rộng đảm bảo chất lượng phục vụ kết nối các hệ thống thông tin, cung cấp dịch vụ chuyển đổi số phục vụ các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn; đảm bảo an toàn mạng lưới, an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống trên địa bàn.

### **- Nâng cấp điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông huyện:**

Phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông nâng cấp điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông trở thành trung tâm tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số; cung cấp dịch vụ chuyển đổi số cho cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn.

### **- Hệ thống wifi công cộng miễn phí:**

Triển khai các hệ thống wifi công cộng miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân và du khách tại các điểm công cộng như tại nhà văn hoá, các điểm tham quan du lịch, trụ sở cơ quan, đơn vị.

## **1.4. Triển khai các ứng dụng phục vụ xây dựng Chính quyền số**

Thực hiện ứng dụng triệt để công nghệ số vào công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả làm việc, công khai, minh bạch trong các hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhanh chóng, tiết kiệm, mọi lúc, mọi nơi, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Trong đó, tập trung vào một số nội dung trọng tâm:

### **- Triển khai đầy đủ các hệ thống thông tin dùng chung từ Trung ương tới địa phương**

Lãnh đạo, CBCC, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị sử dụng đầy đủ, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung do các Bộ, ngành triển khai, như: Cơ sở dữ liệu về dân cư, phần mềm Hộ tịch, Lý lịch tư pháp, Cổng dịch vụ công quốc gia, phần mềm bảo hiểm xã hội,... phục vụ quản lý và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

### **- Sử dụng hiệu quả Hệ thống Quản lý văn bản và HSCV (TD-Office)**

+ 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn cấp huyện được kết nối, sử dụng Hệ thống TD-Office phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

+ 100% văn bản được xử lý trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật); 100% văn bản phát hành được ký số theo quy định.

### **- Sử dụng hệ thống Cổng dịch vụ công và một cửa điện tử**

Khai thác, sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử cấp huyện; đảm bảo 100% các thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý trên hệ

thống một cửa điện tử; đảm bảo đạt các chỉ tiêu về tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo chỉ tiêu giao hàng năm của UBND tỉnh.

**- Sử dụng hệ thống thư điện tử của tỉnh**

Rà soát, cập nhật danh sách, đề nghị Văn phòng UBND tỉnh cấp đầy đủ tài khoản người dùng, đảm bảo 100% CBCC, viên chức được cấp tài khoản; 100% CBCC, viên chức sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết công việc.

**- Đầu tư, khai thác phát huy hiệu quả phòng họp trực tuyến**

Đầu tư hệ thống phòng họp trực tuyến tại các xã, thị trấn; tăng cường sử dụng hệ thống phòng họp trực tuyến phục vụ các cuộc họp với UBND cấp xã, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Trung ương.

**- Đầu tư, sử dụng hiệu quả phòng họp không giấy**

Đầu tư hệ thống phòng họp không giấy; tăng cường sử dụng hệ thống phòng họp không giấy phục vụ các cuộc họp với UBND cấp xã, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Trung ương.

**- Sử dụng chữ ký số chuyên dùng**

Thực hiện rà soát toàn bộ các chức danh, vị trí công tác, cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị để cấp mới, cấp bổ sung chữ ký số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ, đảm bảo đầy đủ chữ ký số của tổ chức, cá nhân phục vụ việc ký số hồ sơ, văn bản điện tử trên môi trường mạng.

**- Nâng cấp trang thông tin điện tử (website):**

+ Duy trì, nâng cao chất lượng của Cổng thông tin điện tử cấp huyện và trang thông tin điện tử cấp xã. Khảo sát, đánh giá hiện trạng Cổng/trang thông tin điện tử, nâng cấp, bổ sung tính năng, giao diện đáp ứng các yêu cầu quy định tại Luật tiếp cận thông tin và Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

+ Xây dựng chuyên mục Chuyển đổi số.

+ Tạo liên kết với các sàn thương mại điện tử.

+ Thường xuyên cập nhật đầy đủ các thông tin theo quy định.

**- Hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý chuyên ngành cấp huyện:**

Tạo lập cơ sở dữ liệu và các ứng dụng quản lý chuyên ngành cho tất cả các lĩnh vực một cách tập trung, nhất quán nhằm hỗ trợ công tác quản lý, tra cứu, kế thừa, chia sẻ thông tin giữa các phòng chuyên môn khi thực hiện xử lý công việc chuyên ngành. Tích hợp với các hệ thống chuyên ngành của Bộ, ngành và của tỉnh đã triển khai để kế thừa dữ liệu đã có.

**- Thiết lập kênh giao tiếp giữa huyện và người dân:**

Triển khai hiệu quả hệ thống giao tiếp giữa chính quyền với người dân thông qua hệ thống phản hồi Thanh Hóa; Tổng đài 1022 và các ứng dụng khác để người

dân có thể dễ dàng phản ánh, góp ý, kiến nghị về các vấn đề trong đời sống xã hội với lãnh đạo huyện một cách nhanh nhất và trực tiếp nhất.

**- Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp huyện:**

Nghiên cứu, đề xuất Tỉnh triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp huyện đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu về Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh và phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Khung Kiến trúc ICT đô thị thông minh phiên bản 1.0 tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 2.0 tỉnh Thanh Hóa.

**2. Về phát triển kinh tế số**

**2.1. Phát triển thương mại điện tử**

- Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể tạo thành các chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu dùng.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể lựa chọn các sản phẩm nông sản, các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, sản phẩm OCOP, các sản phẩm đặc thù của địa phương để quảng bá, tiếp thị và bán hàng trên các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội.

- Quảng bá, cung cấp, phân phối sản phẩm, dịch vụ qua các kênh phân phối như Voso, Postmart, Sendo, Tiki, Amazon, Zalo, Facebook, ...; chủ động liên hệ với các sàn thương mại điện tử để cung cấp các sản phẩm lên sàn thương mại điện tử; đảm bảo chất lượng hàng hóa, thiết kế bao bì sản phẩm, quy trình sản xuất bảo quản sản phẩm, khả năng truy xuất nguồn gốc khi cung cấp trên sàn thương mại điện tử.

- Hướng dẫn, tập huấn cho người dân tạo tài khoản, viết bài, chụp ảnh, xây dựng các video quảng bá về sản phẩm, dịch vụ để đăng trên các sàn thương mại điện tử, trên các mạng xã hội.

- Triển khai các công nghệ về truy xuất nguồn gốc, gắn với các sản phẩm, cây trồng, vật nuôi của người dân và các sản phẩm OCOP.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, khuyến khích người dân tham gia vào các chương trình triển khai Thương mại điện tử. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các phương thức thanh toán điện tử an toàn, tin cậy cho các giao dịch thương mại điện tử.

- Tổ chức các lớp tập huấn, các chương trình đào tạo kiến thức, kỹ năng cho người dân đặc biệt là các chương trình như cách quảng cáo, quảng bá sản phẩm trên môi trường mạng.

- Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng mã địa chỉ bưu chính Vpostcode trong hoạt động thương mại điện tử.



## **2.2. Triển khai thanh toán điện tử**

- Tập trung làm thay đổi thói quen sử dụng tiền mặt của người dân. Vì vậy, cần lựa chọn các dịch vụ dễ triển khai, thuận tiện như nộp học phí qua tài khoản của nhà trường, thanh toán hoá đơn điện, hoá đơn nước, điện thoại,... để người dân dần dần thay đổi thói quen trong thanh toán và thấy được sự tiện ích của thanh toán điện tử.

- Triển khai các ứng dụng thanh toán điện tử từ đó giảm việc thanh toán bằng tiền mặt trong sử dụng các dịch vụ hành chính công, mua bán trực tuyến, hóa đơn tiền điện, tiền nước, tiền học phí và các dịch vụ khác.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, cập nhật kiến thức, những lợi ích, tiện ích cho người dân, nhằm thúc đẩy các dịch vụ thanh toán điện tử.

- Hướng dân, hỗ trợ cho người dân mở các tài khoản ngân hàng, ví điện tử, một cách thuận tiện, thuận lợi, miễn phí.

## **2.3. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số**

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi sang sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số.

- Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo các mô hình sản xuất mới phù hợp, hiệu quả.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng các nền tảng số Quốc gia để chuyển đổi số.

- Hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký và tự xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo chương trình số 54/CTr-UBND, ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh và Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

## **2.4. Phát triển doanh nghiệp số**

- Khuyến khích các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ lớn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn chuyển hướng hoạt động sang lĩnh vực công nghệ số.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số.

## **3. Về phát triển xã hội số**

### **3.1. Công dân số**

- Khuyến khích người dân sử dụng điện thoại thông minh để sử dụng các dịch vụ số. Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn người dân ứng dụng CNTT, sử dụng các dịch vụ số (dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng các dịch vụ y tế, giáo dục thông minh...); tương tác với chính quyền thông qua môi trường số (tiếp nhận thông báo từ chính quyền; gửi phản ánh, kiến nghị với chính quyền thông qua môi trường số...).

- Tuyên truyền, hướng dẫn để người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản điện tử, sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt. Tuyên truyền, vận động người dân đăng ký, sử dụng tài khoản định danh điện tử.

### **3.2. Đào tạo nhân lực số**

- Đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho lãnh đạo các đơn vị; bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số cho CBCC, viên chức, người lao động các đơn vị làm lực lượng nòng cốt để lan tỏa, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng giải pháp học trực tuyến nhằm nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số.

- Các trường THCS, THPT tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sử dụng CNTT, an toàn thông tin, sẵn sàng cho môi trường số, tạo thế hệ công dân số.

- Đào tạo, tập huấn cho các hạt nhân là thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng về kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số.

- Huy động lực lượng Đoàn Thanh niên phối hợp với lực lượng của các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân tích cực sử dụng các dịch vụ số.

### **3.3. Triển khai các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin**

- Xây dựng mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số VPostcode: Phối hợp với doanh nghiệp bưu chính triển khai số hóa địa chỉ nhà dân, các cơ quan, đơn vị hình thành cơ sở dữ liệu về bản đồ số của huyện phục vụ phát triển thương mại điện tử, chuyển phát bưu chính và logistics.

- Thiết lập hạ tầng viễn thông, mạng Internet:

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông đầu tư nâng cấp hạ tầng viễn thông băng rộng; đảm bảo phủ sóng thông tin di động 3G, 4G đến 100% các thôn, khu phố; phát triển hạ tầng mạng 5G; phổ cập thuê bao cáp quang tại các hộ gia đình.

## **4. Một số lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số**

### **4.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế**

- Triển khai ứng dụng nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo và thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân; 100% các cơ sở y tế có bộ phận hỗ trợ khám bệnh từ xa; thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế.

- Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; thanh toán viện phí điện tử; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh

dựa trên công nghệ số; tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu về y tế.

- Trên khai các ứng dụng cung cấp kiến thức phòng bệnh, khám bệnh và chăm sóc sức khỏe để người dân có thể tra cứu thông tin dễ dàng, hiệu quả.

#### **4.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục**

- Nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT, thống nhất nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý và giáo viên các trường học trên địa bàn huyện.

- Xây dựng hạ tầng CNTT cho các trường theo hướng hiện đại, thiết thực, hiệu quả. Đến năm 2025, có 100% các trường được kết nối đường truyền Internet băng thông rộng; 100% học sinh được tiếp cận các kho học liệu trực tuyến; 100% các trường học có trang thông tin điện tử.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kết hợp học trên lớp và học trực tuyến. Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; Triển khai ứng dụng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

#### **4.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp**

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu của ngành về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản,... Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Xem xét thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số” với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ, ...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

- Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý; điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

#### **4.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại, du lịch**

- Đẩy mạnh xây dựng và phát triển thương mại điện tử của huyện lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa của huyện thông qua ứng dụng thương mại điện tử. Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp triển khai nền tảng thanh toán trực

tuyến, phát triển dịch vụ bưu chính và các dịch vụ hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan hoàn thành việc số hóa toàn bộ các dữ liệu về danh lam, thắng cảnh, văn hóa truyền thống, khu du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, hướng dẫn viên du lịch, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú trên địa bàn huyện; liên kết với hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh, của quốc gia. Khuyến khích các điểm du lịch cung cấp dịch vụ Internet không dây (kết nối Wifi) miễn phí phục vụ du khách. Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến tại các điểm du lịch.

#### **4.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội**

- Tổ chức triển khai phát triển chuyển đổi số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội; thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

- Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

#### **4.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải**

- Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện, quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, đăng ký và quản lý phương tiện, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện,... trên nền tảng số.

- Phát triển hệ thống giao thông thông minh; ứng dụng các giải pháp giám sát đảm bảo an toàn của các phương tiện giao thông công cộng.

- Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong các dịch vụ giao thông, vận tải.

#### **4.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường**

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường; triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

- Nâng cấp, mở rộng, khai thác, phát huy hiệu quả hệ thống quan trắc môi trường đã được đầu tư; đảm bảo hệ thống tự động thu thập, tiếp nhận thông tin, phân tích, đánh giá và đưa ra cảnh báo về ô nhiễm môi trường kịp thời, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của huyện.

#### **4.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng**

Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành tài chính, ngân hàng, thuế, kho bạc,... Xây dựng nền tài chính điện tử, thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, an ninh, an toàn, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và

người dân.

- Tích hợp số hóa và công nghệ số vào mọi lĩnh vực ngân hàng. Cho phép tạo mới hoặc sửa đổi các quy trình kinh doanh, văn hóa và trải nghiệm khách hàng hiện có nhằm đáp ứng các yêu cầu thay đổi của thị trường và mong muốn của khách hàng, giúp ngân hàng tiết kiệm chi phí và hợp lý hóa các quy trình hoạt động đồng thời mang lại trải nghiệm khách hàng dễ dàng và hấp dẫn hơn.

- Cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng để thúc đẩy đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ trực tuyến trong lĩnh vực thuế, kho bạc tạo điều kiện thuận lợi, công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, các tổ chức và người dân.

#### **4.9. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng**

- Ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả. Thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt trong các dịch vụ ngành điện.

- Tham mưu xây dựng cơ chế khuyến khích người dân đầu tư sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...). Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân có nhu cầu bán điện mặt trời, điện gió do hộ gia đình tự sản xuất cho công ty điện lực.

- Triển khai lắp đặt và kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.

#### **4.10. Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp**

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

- Đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp.

- Ưu tiên thu hút các ngành công nghệ cao như công nghệ thông tin, viễn thông, công nghiệp điện tử,...tạo ra các động lực cho tăng trưởng kinh tế của huyện.

### **5. Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo mật thông tin trong thực hiện chuyển đổi số**

- Đầu tư thiết bị và phần mềm nhằm đảm bảo kiểm soát an toàn, an ninh

mạng để đảm bảo hệ thống thông tin của huyện và kết nối với hệ thống hỗ trợ, giám sát, điều hành an toàn mạng của tỉnh phục vụ Chính phủ số của quốc gia để đánh giá rủi ro, giám sát, phát hiện tấn công, cảnh báo sớm, ngăn chặn kịp thời và ứng cứu các sự cố liên quan đến an toàn thông tin; đảm bảo sao lưu dữ liệu và an toàn, an ninh mạng trong mọi tình huống.

- Tăng cường công tác tuyên truyền thông tin để nâng cao nhận thức về an toàn, an ninh thông tin mạng cho cán bộ công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

- Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số thực hiện các giải pháp trong công tác bảo đảm an toàn thông tin tạo niềm tin của người dân tham gia các hoạt động trên môi trường mạng từ đó thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về an toàn, an ninh mạng và bảo mật thông tin.

#### **6. Đẩy mạnh triển khai thực hiện ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia**

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử trong công cuộc chuyển đổi số một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để phục vụ 5 nhóm tiện ích: (1) Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; (2) Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; (3) Phục vụ công tác dân số; (4) Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; (5) Phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

Trong đó, triển khai bảo đảm từng bước thay thế các giấy tờ cá nhân trên cơ sở tích hợp, xác thực các thông tin, giấy tờ cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chỉ cần sử dụng thẻ Căn cước công dân, ứng dụng Định danh điện tử quốc gia (VNEID). Tập trung thực hiện đối với một số giấy tờ như: Bảo hiểm y tế, bằng lái xe, giấy phép lái xe, mã số chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề, tiêm chủng, y tế, giáo dục, thẻ cán bộ, công chức, viên chức...

#### **IV. KINH PHÍ**

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, cụ thể:

- Nguồn vốn hỗ trợ của tỉnh (theo phân bổ thực hiện Đề án Chuyển đổi số tổng thể và của từng ngành, lĩnh vực ưu tiên);

- Nguồn vốn hỗ trợ của huyện;

- Nguồn vốn do xã huy động;
- Nguồn huy động từ các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

*(Quy mô kinh phí, nguồn kinh phí và phân kỳ thực hiện được xác định theo từng dự án, nhiệm vụ cụ thể);*

- Việc lập dự toán kinh phí cụ thể sẽ do cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu triển khai các đề án, các nền tảng số, các nhiệm vụ cụ thể của từng ngành, lĩnh vực chủ động xác định để triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện**

- Nghiên cứu, đề xuất với UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số.

- Thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình chỉ đạo, đôn đốc các lĩnh vực, địa phương triển khai chuyển đổi số thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

### **2. Phòng Văn hóa và Thông tin**

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Tham mưu Trưởng Ban chỉ đạo Chuyển đổi số phân công thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách các ngành, lĩnh vực, hỗ trợ các xã, thị trấn triển khai thực hiện chuyển đổi số.

- Làm đơn vị đầu mối, phối hợp các doanh nghiệp tư vấn, công nghệ, các phòng, ban, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn nghiên cứu và triển khai các ứng dụng công nghệ số cho các hoạt động chuyển đổi số ở cấp huyện, cấp xã.

- Tham mưu công tác chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, Cổng/trang thông tin điện tử đẩy mạnh tuyên truyền về chuyển đổi số để các cấp, các ngành, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tham gia mạnh mẽ trong công cuộc chuyển đổi số.

- Tham mưu Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho chính quyền và người dân tại các địa phương thực hiện chuyển đổi số.

- Đề xuất các nhu cầu triển khai các ứng dụng, nền tảng số phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo và phục vụ lợi ích của Nhân dân trên địa bàn.

- Phối hợp với các phòng, ban, cơ quan, đơn vị liên quan lồng ghép các chương trình, dự án, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Xây dựng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số hàng năm.

### **3. Phòng Tài chính**

- Tham mưu cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Pháp luật để thực hiện các dự án, nhiệm vụ cụ thể của kế hoạch; bố trí kinh phí hỗ trợ cho UBND cấp xã được lựa chọn để triển khai thực hiện chuyển đổi số; tiếp tục duy trì, vận hành, phát triển các mô hình xã thông minh sau khi hoàn thành chuyển đổi số ở cấp xã.

- Chủ trì, phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin thẩm định nội dung kinh phí, tham mưu trình UBND huyện xem xét, phê duyệt cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện kế hoạch; hướng dẫn kinh phí duy trì các dịch vụ sau khi chuyển đổi số hoàn thành.

### **4. Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị cấp huyện**

- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch (*theo phụ lục phân công nhiệm vụ kèm theo*); tham mưu, đề xuất các dự án, chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ nhằm thúc đẩy triển khai chuyển đổi số, hoàn thành các mục tiêu kế hoạch.

- Chịu trách nhiệm và hướng dẫn về các nội dung chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã thuộc lĩnh vực, ngành quản lý; phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, các đơn vị liên quan hỗ trợ UBND cấp xã trong quá trình triển khai kế hoạch.

### **5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn**

- Xây dựng kế hoạch cụ thể; thành lập Ban chỉ đạo, phân công cán bộ phụ trách, cán bộ đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện chuyển đổi số tại địa phương.

- Đề xuất các nhu cầu triển khai các ứng dụng, nền tảng số phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo và phục vụ lợi ích của Nhân dân trên địa bàn xã, thị trấn.

- Phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát, cung cấp số liệu phục vụ quá trình chuyển đổi số; phối hợp đánh giá kết quả triển khai chuyển đổi số của xã, thị trấn; bố trí các nguồn lực cần thiết để tiếp tục duy trì, vận hành, phát triển mô hình xã thông minh sau khi hoàn thành chuyển đổi số.

- Tích cực, chủ động tuyên truyền thay đổi nhận thức, thói quen làm việc và nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức để tiếp cận và ứng dụng công nghệ số trong mô hình mới; tuyên truyền, phổ biến đến người dân địa phương hiểu được ý nghĩa của việc triển khai mô hình xây dựng xã chuyển đổi số.

- Thu hút, kêu gọi các nguồn lực xã hội cùng chung tay hỗ trợ, bảo trợ xây dựng mô hình chuyển đổi số.

- Huy động sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị và người dân trong quá trình xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động của kế hoạch.

- Báo cáo hằng tháng, quý kết quả triển khai thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Văn hóa và Thông tin) để tổng hợp báo cáo về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.



## **6. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện**

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tổ chức, hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực tham gia chương trình chuyển đổi số của địa phương, đơn vị; ứng dụng các dịch vụ chuyển đổi số phục vụ công tác và phát triển kinh tế - xã hội.

## **7. Đề nghị Huyện đoàn Triệu Sơn**

Với vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền vận động người dân tại các địa phương tham gia vào việc chuyển đổi số. Chỉ đạo các đoàn cơ sở hướng dẫn người dân sử dụng thiết bị di động thông minh để khai thác các dịch vụ do chính quyền cung cấp. Hỗ trợ người dân, hộ kinh doanh, chính quyền quảng bá hình ảnh, thông tin về sản phẩm, dịch vụ, nét văn hóa của xã trên môi trường mạng, trên các sàn thương mại điện tử.

## **8. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin**

- Chủ động nghiên cứu, tư vấn, đề xuất cung cấp các giải pháp, ứng dụng công nghệ số, sản phẩm công nghệ mới phù hợp với điều kiện của từng địa phương để tạo nền tảng, hỗ trợ và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

- Đảm bảo hạ tầng băng rộng cáp quang, phủ sóng di động mạng 3G, 4G, 5G đến 100% các hộ gia đình.

- Có chính sách hỗ trợ phát triển và duy trì các ứng dụng, dịch vụ cho các xã, thị trấn để thực hiện chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động của Huyện ủy và Chương trình hành động của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Yêu cầu Trưởng các phòng, ban chuyên môn UBND huyện; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh mới hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp trình UBND huyện xem xét, giải quyết./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Thông tin và Truyền Thông (để b/c);
- TT HU, TT HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT.UBND huyện (để b/c);
- Thành viên BCĐ Chuyển đổi số huyện;
- Các phòng, đơn vị, cơ quan, đoàn thể cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn (để t/h);
- Các Doanh nghiệp bưu chính, viễn thông;
- Lưu: VT, VHTT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

**Phụ lục 01****PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày / /2022 của UBND huyện  
Triệu Sơn)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu đến năm 2025</b>			
<b>1</b>	<b>Về Chính quyền số</b>			
1.1	100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ, khai thác với các cơ sở dữ liệu của Tỉnh Quốc gia.	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Văn hóa và thông tin	
1.2	50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường mạng và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Văn hóa và thông tin	
1.3	100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên cổng dịch vụ công của huyện và trên các phương tiện truy cập (bao gồm cả thiết bị di động).	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	
1.4	Có 90% người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	
1.5	100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất.	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Công an huyện, UBND các xã, thị trấn	
1.6	100% Đài truyền thanh xã, thị trấn được đầu tư trang bị hệ thống đài truyền thanh thông minh.	Phòng Văn hóa và thông tin	Phòng Tài chính-KH, Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch, UBND các xã, thị trấn	
<b>2</b>	<b>Về Kinh tế số</b>			
2.1	Doanh nghiệp chuyển đổi số chiếm 50% trở lên trong tổng số doanh nghiệp có phát sinh thuế	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	
2.2	100% các xã, thị trấn trên địa bàn phải đăng ký tối thiểu một sản phẩm nông sản hoặc các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp đặc thù của địa phương để xây dựng thương hiệu và đưa lên sàn thương mại điện tử	Phòng Nông nghiệp &PTNT; Phòng Kinh tế và hạ tầng	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	
2.3	100% doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, làng nghề sản xuất, được tiếp cận chương trình hỗ trợ chuyển đổi số; các sản phẩm	Phòng Nông nghiệp &PTNT	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND các xã, thị	

	nông nghiệp chủ lực, các sản phẩm OCOP được gắn mã QR truy xuất nguồn gốc.		trần	
<b>3</b>	<b>Về Xã hội số</b>			
3.1	Có 100% xã, thị trấn trở lên hoàn thành chuyển đổi số, theo Bộ tiêu chí đánh giá chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	
3.2	Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động mạng 4G/5G	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các doanh nghiệp	
3.3	50% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	Ngân hàng NN&PTNT Triệu Sơn	UBND các xã, thị trấn	
3.4	Tỷ lệ cá nhân, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử đạt 50%.	Ngân hàng NN&PTNT Triệu Sơn	UBND các xã, thị trấn	
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu đến năm 2030</b>			
<b>1</b>	<b>Về Chính quyền số</b>			
1.1	70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Văn phòng HĐND và UBND huyện	
1.2	Có 98% người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước.	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các phòng, ban, cơ quan đơn vị; UBND các xã, thị trấn	
<b>2</b>	<b>Về kinh tế số</b>			
1.1	Doanh nghiệp chuyển đổi số chiếm 80% trở lên tổng số doanh nghiệp có phát sinh thuế.	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	
<b>3</b>	<b>Về Xã hội số</b>			
1.1	Huyện hoàn thành chuyển đổi số và 100% xã, thị trấn hoàn hành chuyển đổi số theo bộ tiêu chí đánh giá chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa.	Phòng Văn hóa và thông tin	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	
1.2	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%	Ngân hàng NN&PTNT Triệu Sơn	UBND các xã, thị trấn	

**Phụ lục 02****PHÂN CÔNG THỰC HIỆN, ĐỀ XUẤT CÁC NHIỆM VỤ NHẪM THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC***(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày / /2022 của UBND huyện Triệu Sơn)*

TT	Danh mục các nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô, nội dung thực hiện	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Về phát triển chính quyền số</b>					
1.1	Xây dựng các kế hoạch, quy định nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số	Phòng Văn hóa và thông tin	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị	Thực hiện hàng năm	Xây dựng, trình ký ban hành kế hoạch và các văn bản liên quan	
1.2	Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số					
-	Tổ chức tập huấn cho đội ngũ CBCCC, viên chức	Phòng Văn hóa và thông tin	Văn phòng HĐND&UBND huyện, UBND các xã, thị trấn	Định kỳ hàng năm	Mỗi năm tổ chức 02 lớp tập huấn cho các đối tượng là cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.	
-	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về chuyển đổi số đến người dân	Phòng Văn hóa và thông tin	UBND các xã, thị trấn	Định kỳ hàng năm	Mỗi năm tổ chức 01 lớp tập huấn cho các đối tượng là thành viên tổ công nghệ số cộng đồng; đại diện các các tổ chức đoàn thể ở các thôn, khu phố; đại diện các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn huyện.	
<b>1.3</b>	<b>Xây dựng hạ tầng số</b>					
-	Mạng nội bộ (LAN) kết nối internet băng thông rộng	Văn phòng HĐND&UBND huyện, các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Phòng tài chính – Kế hoạch, Các doanh nghiệp CNTT, viễn thông	Định kỳ hàng năm	Rà soát, xây dựng và vận hành mạng nội bộ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, đảm bảo tính mỹ quan, tốc độ truy cập mạng, được kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng.	

-	Số hoá tài liệu hồ sơ công việc	Văn phòng HĐND&UBND huyện, các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Các doanh nghiệp CNTT, viễn thông	Thường xuyên	- Thực hiện theo Kế hoạch của UBND tỉnh Thanh Hóa.	
-	Nâng cấp, bổ sung hệ thống thiết bị CNTT, tăng cường công tác an toàn thông tin mạng	Văn phòng HĐND&UBND huyện; các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Các doanh nghiệp CNTT, viễn thông	Định kỳ hàng năm	Đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị CNTT phục vụ công việc và triển khai các ứng dụng cho CBCC trong đơn vị.	
-	Mạng Truyền số liệu chuyên dùng	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Các doanh nghiệp CNTT, viễn thông	Theo hướng dẫn của Tỉnh	Phối hợp triển khai mạng Truyền số liệu chuyên dùng từ huyện đến cấp xã, đảm bảo kết nối, liên thông 4 cấp chính quyền (từ Trung ương đến cấp xã).	
-	Hệ thống đài truyền thanh - truyền hình từ huyện đến cơ sở	Phòng Văn hóa và thông tin	Phòng Văn hóa và thông tin	Đầu tư theo lộ trình từng năm	Đài truyền thanh, truyền hình huyện được đầu tư đầy đủ các trang thiết bị phục vụ sản xuất và phát sóng các chương trình; 100% các xã, thị trấn được đầu tư hệ thống đài truyền thanh thông minh	
-	Hệ thống Hội nghị truyền hình	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Phòng Văn hoá & TT; các phòng ban liên quan và UBND các xã, thị trấn.	Đầu tư theo lộ trình từng năm	Xây dựng và đảm bảo vận hành tốt hệ thống truyền hình hội nghị từ huyện đến thôn, khu phố.	
-	Hệ thống phòng họp không giấy	Văn phòng HĐND&UBND huyện	UBND các xã, thị trấn.	Đầu tư theo lộ trình từng năm	Xây dựng, triển khai, ứng dụng hiệu quả phòng họp không giấy ở cấp huyện và cấp xã.	
-	Hệ thống camera an ninh	Công an huyện	UBND các xã, thị trấn.	Đầu tư theo lộ trình từng năm	Đến năm 2025 có 100% các xã, thị trấn được lắp đặt hệ thống Camera giám sát được quản lý tập trung tại UBND hoặc công an xã, thị trấn.	
-	Triển khai hạ tầng số (hạ tầng viễn thông, internet)	Trung tâm Viễn thông Triệu Sơn, Viettel Triệu Sơn	Phòng văn hóa và thông tin, UBND các xã, thị trấn.	Đầu tư theo lộ trình từng năm	Đến năm 2025 Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động mạng 4G/5G.	
-	Nâng cấp điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông huyện	Bưu điện huyện, các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện.	Văn phòng HĐND&UBND; UBND các xã, thị trấn	2025	Triển khai hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp các vấn đề về chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ chuyển đổi số thông qua các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông.	

-	Hệ thống wifi công cộng miễn phí	UBND các xã, thị trấn	Các doanh nghiệp viễn thông, CNTT	Đầu tư theo lộ trình từng năm	Đến năm 2025 có 100% các xã, thị trấn có điểm wifi công cộng miễn phí.	
1.4	Triển khai các ứng dụng phục vụ xây dựng Chính quyền số	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Triển khai đầy đủ, hiệu quả các nền tảng, ứng dụng do cấp trên triển khai.	
<b>2</b>	<b>Về phát triển kinh tế số</b>					
2.1	Phát triển thương mại điện tử	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể tạo thành các chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu dùng.	
2.2	Triển khai thanh toán điện tử	Ngân hàng NN&PTNT Triệu Sơn	UBND các xã, thị trấn	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Đến năm 2025 có tỷ lệ cá nhân, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử đạt 50%.	
2.3	Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Văn hóa và thông tin, UBND các xã, thị trấn.	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Đến năm 2025 doanh nghiệp chuyển đổi số chiếm 50% trở lên trong tổng số doanh nghiệp có phát sinh thuế, và đến năm 2030 tỉ lệ trên là 80% trở lên.	
2.4	Phát triển doanh nghiệp số	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Văn hóa và thông tin, UBND các xã, thị trấn.	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Đến năm 2025 doanh nghiệp chuyển đổi số chiếm 50% trở lên trong tổng số doanh nghiệp có phát sinh thuế, và đến năm 2030 tỉ lệ trên là 80% trở lên.	
<b>3</b>	<b>Về phát triển xã hội số</b>					
-	Tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ số	Phòng Văn hóa và thông tin	Huyện đoàn; Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông; UBND các xã, thị trấn.	Thường xuyên	Đến năm 2025 có 100% người dân thường xuyên sinh sống trên địa bàn huyện được tuyên truyền, phổ biến về các dịch vụ số.	
-	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước, thành viên các tổ công nghệ số cộng đồng.	Phòng Văn hóa và thông tin	Các phòng, ban, cơ quan đơn vị cấp huyện, UBND các xã, thị trấn.	Định kỳ hàng năm	Đến năm 2025 có 100% cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước, thành viên các tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số.	

-	Các trường THCS, THPT tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sử dụng CNTT, an toàn thông tin, sẵn sàng cho môi trường số, tạo thể hệ công dân số.	Phòng giáo dục và đào tạo	UBND các xã, thị trấn.	Định lý hàng năm	Tổ chức lồng ghép trong quá trình dạy và học tại các nhà trường để cung cấp các kiến thức, kỹ năng sử dụng CNTT, an toàn thông tin cho học sinh.
-	Xây dựng mã địa chỉ trên nền tảng bản đồ số VPostcode	Bưu điện huyện	Phòng tài nguyên và môi trường; UBND các xã, thị trấn	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Triển khai số hóa địa chỉ nhà dân, các cơ quan, đơn vị hình thành cơ sở dữ liệu về bản đồ số của huyện
-	Thiết lập hạ tầng viễn thông, mạng Internet	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện.	UBND các xã, thị trấn	Thường xuyên	Đầu tư nâng cấp hạ tầng viễn thông băng rộng; đảm bảo phủ sóng thông tin di động 3G, 4G đến 100% các thôn, khu phố; phát triển hạ tầng mạng 5G; phổ cập thuê bao cáp quang tại các hộ gia đình.
<b>4</b>	<b>Một số lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số</b>				
4.1	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Bệnh viện đa khoa huyện, Trung tâm y tế huyện.	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Đến năm 2025 có 100% các cơ sở y tế trên địa bàn huyện có bộ phận hỗ trợ khám bệnh từ xa. Triển khai các ứng dụng cung cấp kiến thức phòng bệnh, khám bệnh và chăm sóc sức khỏe để người dân có thể tra cứu thông tin dễ dàng, hiệu quả.
4.2	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục	Phòng Giáo dục và đào tạo.	UBND các xã, thị trấn, Các doanh nghiệp viễn thông, CNTT.	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Đến năm 2025 có 100% học sinh được tiếp cận các kho học liệu trực tuyến. 100% các trường học có trang thông tin điện tử
4.3	Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp	Phòng Nông nghiệp & PTNT	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Đến năm 2025 các xã, thị trấn đăng ký tối thiểu một sản phẩm nông sản để xây dựng thương hiệu và đưa lên sàn thương mại điện tử; 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại được tiếp cận chương trình hỗ trợ chuyển đổi số; các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, các sản phẩm OCOP được gắn mã QR truy xuất nguồn gốc.
4.4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Các phòng, ban, cơ quan đơn vị cấp huyện, các doanh nghiệp, UBND các xã, thị	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa của huyện thông qua ứng dụng thương mại điện tử.

			trần.		
	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch.	Phòng Văn hóa và thông tin	Trung tâm VH,TT, TT&DL;UBND các xã, thị trấn.		Thực hiện số hóa toàn bộ các dữ liệu về danh lam, thắng cảnh, văn hóa truyền thống, khu du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, hướng dẫn viên du lịch, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú trên địa bàn huyện
4.5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội	Phòng Lao động, thương binh và xã hội	UBND các xã, thị trấn	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội.
4.6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải	Công an huyện	UBND các xã, thị trấn.	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Phát triển hệ thống giao thông thông minh, Chuyển đổi phương thức quản lý, cung cấp các dịch vụ giao thông vận tải trên nền tảng số.
4.7	Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Phòng tài nguyên và môi trường	UBND các xã, thị trấn.	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện về tài nguyên, môi trường.
4.8	Chuyển đổi số trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng NN&PTNT Triệu Sơn	Chi cục thuế khu vực Triệu Sơn-Nông Công, kho bạc, UBND các xã, thị trấn.	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ trực tuyến trong lĩnh vực thuế, kho bạc tạo điều kiện thuận lợi, công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, các tổ chức và người dân.
4.9	Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng	Điện lực Triệu Sơn	UBND các xã, thị trấn.	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả.
4.10	Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp	Phòng Kinh tế và hạ tầng	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị cấp huyện, UBND các xã, thị trấn.	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp.
5	<b>Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo mật thông tin trong thực hiện chuyển đổi số</b>	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị cấp huyện, UBND các xã, thị trấn.	Thường xuyên	Đảm bảo an toàn, an ninh mạng, bảo mật thông tin tại các cơ quan đơn vị, hướng dẫn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức.
6	<b>Đẩy mạnh triển khai thực hiện ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia</b>	Công an huyện	Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị cấp huyện, UBND các xã, thị trấn.	Thực hiện theo lộ trình từng năm	Đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.



